TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 03/2022/KDTM-PT
Ngày 17-02- 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung

Ông Cao Văn Hiếu

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2021/TLPT-KDTM ngày 11-11-2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" .

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/KDTM-ST ngày 27-9-2021 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2022/QĐ-PT ngày 04-01-2022, Quyết định Hoãn phiên tòa phúc thẩm số 09/2022/QĐ-PT ngày 21-01-2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP N**; Địa chỉ: Số 77 đường A, quận K, TP Hà Nội;

- Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Minh T, chức vụ: Chuyên viên quản trị nợ Miền Trung, TT Quản trị nợ - Khối QL&XLN CVĐ; theo Giấy ủy quyền số 462/UQ-TGĐ ngày 10-9-2020 của Tổng Giám đốc Ngân hàng; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: **Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P**; Địa chỉ: Số 35 (cũ), số 37 (mới) đường B, phường C, quận D, TP Đà Nẵng;

- Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H; sinh năm 1985; địa chỉ: thôn E, xã F, huyện V, TP Đà Nẵng; theo Giấy ủy quyền số 07/022/GUQ/TQP ngày 15-02-2022 của Giám đốc Công ty; có mặt tại phiên tòa.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn: Ông Trần Xuân V, là Luật sư Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư TP Đà Nẵng; địa chỉ: 31 đường L, A, quận D, TP Đà Nẵng; có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Đức Đăng K, sinh năm 1981; vắng mặt tại phiên tòa;

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; có mặt tại phiên tòa;

Cùng địa chỉ: Số 107 đường K, phường G, quận D, TP Đà Nẵng.

4. Người kháng cáo: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P - Bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tóm tắt nội dung vụ án theo bản án sơ thẩm như sau:***

Nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P (sau đây viết tắt là Công ty P) có vay vốn tại Ngân hàng TMCP N(sau đây viết tắt là Ngân hàng) chi tiết như sau:

Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 285/2018/HĐHM-PN/SHB.120600 ngày 03-8-2018 và các phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng khác kèm theo đã ký giữa Ngân hàng TMCP N Chi nhánh Huế và Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P, Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL01-285/2018/HĐHM-PN/SHB.120600 ngày 17-8-2018, Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL02-285/2018/HĐHM-PN/SHB.120600 ngày 31-8-2018, Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL03-285/2018/HĐHM-PN/SHB.120600 ngày 02-10-2018, Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL04-285/2018/HĐHMPN/SHB.120600 ngày 30-11-2018; Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL05285/2018/HĐHM-PN/SHB.120600 ngày 29-01-2019, Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL06-285/2018/HĐHM-PN/SHB.120600 ngày 04-12-2019. Giá trị hạn mức tín dụng: 30.000.000.000đ; trong đó hạn mức vay vốn và bảo lãnh thanh toán là 20.000.000.000đ; hạn mức bảo lãnh là 10.000.000.000đ; thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 03-8-2018 đến ngày 03-8-2019);

Tại các Khế ước nhận nợ: Lãi suất vay được quy định là 10,1%/năm, áp dụng cho 03 tháng đầu từ ngày giải ngân; các lần tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ thời điểm điều chỉnh gần nhất, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh các lần tiếp theo bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 6 tháng trả lãi sau cao nhất KHCN của Ngân hàng N tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) với biên độ cho vay tối thiểu là 3,7%/năm; có cùng mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Công ty P đã rút vốn vay tại Ngân hàng tổng cộng là 19.639.000.000đ thể hiện qua các Khế ước nhận nợ sau :

1. Khế ước nhận nợ số: 17-285/HĐHM-PN/SHB.120100 ngày 30-5-2019; Số tiền nhận nợ: 5.922.000.000đ; thời hạn vay: 06 tháng (từ ngày 30-5-2019 đến ngày 30-11-2019).

2. Khế ước nhận nợ số: 18-285/HĐHM-PN/SHB.120100 ngày 28-6-2019; Số tiền nhận nợ: 3.700.000.000đ; thời hạn vay: 06 tháng (từ ngày 28-6-2019 đến ngày 28-12-2019).

3. Khế ước nhận nợ số: 19-285/HĐHM-PN/SHB.120100 ngày 28-6-2019; Số tiền nhận nợ: 4.495.000.000đ; thời hạn vay: 06 tháng (từ ngày 30-7-2019 đến ngày 30-01-2020).

4. Khế ước nhận nợ số: 20-285/HĐHM-PN/SHB.120100 ngày 31-7-2019; Số tiền nhận nợ: 4.400.000.000đ; thời hạn vay: 06 tháng (từ ngày 31-7-2019 đến ngày 31-01-2020).

5. Khế ước nhận nợ số: 21-285/HĐHM-PN/SHB.120100 ngày 01-8-2019; Số tiền nhận nợ: 1.122.000.000đ; thời hạn vay: 06 tháng (từ ngày 01-8-2019 đến ngày 01-02-2020).

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên gồm có:

1. Nhà ở và quyền sử dụng đất ở thửa đất số 49 (E-4 cũ), tờ bản đồ số 34, diện tích 85m^2; nhà và thửa đất tại địa chỉ: KDC số 3 Nguyễn Tri Phương, phường G, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

2. Xe tải tự đổ TRUONG GIANG, BKS: 43C-107.64.

3. Xe ô tô tải tự đổ SHACMAN, BS: 43C. 151.14.

4. Xe máy chuyên dùng - Máy đào, hiệu KOBELCO SK485LC, BS 43XA-1093.

5. Xe ô tô tải Việt Trung, BS: 43C-080.85.

6. Máy đào bánh xích điệu HITACHI ZX 450LC-3, BS: 43XA-1169.

7. Máy đào bánh xích hiệu HITACHI ZX 450LC-3, BS: 43XA-1179.

8. Máy đào bánh xích hiệu HITACHI ZX 600LC-3, BS: 43XA-1177.

9. Máy đào bánh xích hiệu KOMATSU PC600-7, BS: 43XA-1167.

10. Xe tải tự đổ CNHTC, BS: 43C-125.33.

11. Xe tải tự đổ CNHTC, BS: 43C-125.81.

12. Xe tải tự đổ HOWO, BS: 43C- 191.22.

13. Xe tải tự đổ SHACMAN, BS: 43C-105.17.

14. Xe tải pickup cabin kép MAZDA BT-50, BS: 43C-061.35.

15. Xe máy chuyên dùng - Máy đào, hiệu HITACHI ZX350H-3F, BS 43XA-1045.

16. Máy đào bánh xích KOMATSU PC400LC-7, BS: 43XA- 1151.

17. Máy đào bánh xích KOMATSU PC400LC-7, BS: 43XA- 1152.

18. Xe ô tô tải SHACMAN, BS: 43C- 197.13.

19. Xe ô tô con Audi Q7 đời 2011, BS: 43A- 442.44.

20. Máy đào bánh xích KOBELCO SK330-8, đời 2016, BS: 43XA-1264.

Sau khi vay tiền của Ngân hàng thì Công ty P không trả nợ gốc, lãi đúng hạn. Hiện tại, tổng nợ gốc và lãi của Công ty P tại Ngân hàng N Chi nhánh Huế tạm tính đến ngày 27-9-2021 là: 25.862.946.338đ đồng, trong đó nợ gốc: 19.414.334.381đ, nợ lãi: 6.448.611.957đ.

Vì vậy, Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng yêu cầu Công ty P phải trả hết số tiền nợ trên cho Ngân hàng và lãi phát sinh từ ngày

28-9-2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp Công ty P không trả được nợ cho Ngân hàng, kính đề nghị Quý Tòa cho phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho theo đúng quy định của Pháp luật.

Ngân hàng cam kết khoản vay này đang thuộc phạm vi quản lý và xử lý nợ của Ngân hàng, chưa bán nợ cho Tổ chức mua bán nợ VAMC.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đại diện hợp pháp của Công ty P có văn bản xác nhận tài sản thế chấp đúng như đơn khởi kiện của Ngân hàng nhưng không có ý kiến về số tiền gốc và tiền lãi; Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đại diện hợp pháp của Công ty P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do và cũng không cử người đại diện tham gia tố tụng đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Với nội dung vụ án như trên, Tòa án nhân dân quận quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng đã xét xử tại Bản án sơ thẩm số 26/2021/KDTM-ST ngày 27-9-2021, tóm tắt như sau:***

Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; các điều 463, 466, 468, 299, 322 và Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N đối với Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P phải trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền là 25.862.946.338đ.

Trong đó nợ gốc: 19.414.334.381đ, nợ lãi: tính đến ngày 27-9-2021 là 6.448.611.957đ.

3. Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P phải tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 285/2018/HĐHM-PN/SHB.120600 ngày 03-8-2018 + phụ lục hợp đồng + các Khế ước nhận nợ đã ký với Ngân hàng TMCP N kể từ ngày 28-9-2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP N.

4. Ngân hàng TMCP N có nghĩa vụ Trả lại cho ông Nguyễn Đức Đăng K, bà Nguyễn Thị H và Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại P các Giấy tờ sở hữu của 20 tài sản thế chấp. Sau khi Công ty TNHH XD&TM P thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ trên cho Ngân hàng TMCP N.

5. Trường hợp Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP N thì 20 tài sản thế chấp được xử lý theo Điều 299, Điều 322 và Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 133.862.946đ.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N: 64.898.697đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ Ngân hàng TMCP N tự nguyện chịu (đã nộp và đã chi).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* Ngày 11-10-2021, Công ty P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho công ty được tất toán trả dần từng khoản vay chứ không có điều kiện trả 1 lần do tình hình kinh tế khó khăn, thời gian dài dịch bệnh.

Ngày 08-02-2022, Công ty P có đơn kháng cáo bổ sung đề nghị Tòa án xem xét giãn cách việc thanh toán, đồng thời giãn thời gian trả nợ để Công ty có điều kiện thanh toán cho Ngân hàng theo Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07-9-2021 của Ngân hàng Nhà nước.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giãn nợ cho Công ty P do dịch bệnh Covid, để tạo điều kiện cho công ty tiếp tục hoạt động kinh doanh.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Bản án sơ thẩm số 26/2021/KDTM-ST ngày 27-9-2021 của Tòa án nhân dân quận quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng đã xét xử vụ án như trên, trong những người tham gia tố tụng chỉ có Bị đơn là Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P có Đơn kháng cáo.

[2] Nội dung kháng cáo của Bị đơn là yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P được tất toán trả dần từng khoản vay chứ không có điều kiện trả 1 lần do tình hình kinh tế khó khăn, thời gian dài dịch bệnh Covid và đề nghị giãn thời gian trả nợ để Công ty có điều kiện thanh toán cho Ngân hàng theo Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07-9-2021 của Ngân hàng Nhà nước. Ngoài ra, không có kháng cáo nội dung gì khác của Bản án sơ thẩm.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 285/2018/HĐHM-PN/SHB.120600 ngày 03-8-2018 và các phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng khác kèm theo đã ký giữa Ngân hàng TMCP N và Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P không có điều khoản nào các bên thỏa thuận cho phép bên vay là Công ty P được tất toán trả dần từng khoản vay và giãn thời gian trả nợ sau khi bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Đồng thời tại phiên tòa hôm nay, Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP N có trình bày về việc Công ty P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 30-5-2019 là thời điểm trước khi dịch bệnh Covid xảy ra, Ngân hàng cũng đã nhiều lần tạo điều kiện nhưng Công ty không trả nợ như đã hẹn và quy định giãn nợ của Ngân hàng Nhà nước thì Công ty P không đáp ứng được các điều kiện. Ngân hàng không đồng ý cho Công ty P được tất toán trả dần từng khoản vay và giãn thời gian trả nợ. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Công ty P và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Bị đơn không được chấp nhận Đơn kháng cáo nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[5] Các đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng tại phiên tòa hôm nay là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 và các Điều 148, 293, 308, 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Các điều 463, 466, 468, 299, 322 và Điều 323 Bộ luật Dân sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 12; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/KDTM-ST ngày 27-9-2021 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N đối với Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P phải trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền là **25.862.946.338đ** (Hai mươi lăm tỷ, tám trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm bốn mươi sáu nghìn, ba trăm ba mươi tám đồng).

Trong đó nợ gốc: 19.414.334.381đ (Mười chín tỷ, bốn trăm mười bốn triệu, ba trăm ba mươi bốn nghìn, ba trăm tám mươi mốt đồng), nợ lãi: tính đến ngày 27-9-2021 là 6.448.611.957đ (Sáu tỷ, bốn trăm bốn mươi tám triệu, sáu trăm mười một nghìn, chín trăm năm mươi bảy đồng).

3. Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P phải tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 285/2018/HĐHM-PN/SHB.120600 ngày 03-8-2018 + phụ lục hợp đồng + các Khế ước nhận nợ đã ký với Ngân hàng TMCP Nkể từ ngày 28-9-2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP N.

4. Sau khi Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP N thì Ngân hàng có nghĩa vụ:

4.1. Trả lại cho ông Nguyễn Đức Đăng K, bà Nguyễn Thị H (Bản gốc):

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 155927, số vào sổ cấp GCN: CH00733 do UBND Quận Dcấp ngày 17-9-2010, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đức Đăng K và bà Nguyễn Thị H ngày 04-01-2019, đã được chỉnh lý ngày 29-01-2019.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020167, biển số đăng ký 43C-061.35, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 17-3-2014, tên chủ xe: Nguyễn Đức Đăng K.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 071751, biển số đăng ký 43A-442.44 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 04-4-2019, tên chủ xe: Nguyễn Đức Đăng K.

4.2. Trả lại cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P (Bản gốc):

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016640, biển số đăng ký 43C-107.64 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 04-12-2015; tên chủ xe: Công ty TNHH XD&TM P.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 036389, biển số đăng ký 43C-151.14 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 11-4-2017; đứng tên Công ty TNHH XD&TM P.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 062631, biển số đăng ký 43C-197.13 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 17-10-2018; tên chủ xe: Công ty TNHH XD&TM P.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00106/2019, biển số đăng ký 43XA-1264, do Sở giao thông vận tải TP Đà Nẵng cấp ngày 04-10-2019; tên chủ sở hữu: Công ty TNHH XD&TM P.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00214/2017, biển số đăng ký 43XA-1093, do Sở giao thông vận tải TP Đà Nẵng cấp ngày 11-8-2017; tên chủ sở hữu: Công ty TNHH XD&TM P.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018407, biển số đăng ký 43C-080.85 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 18-01-2016; tên chủ xe: Công ty TNHH XD&TM P.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00106/2018, biển số đăng ký 43XA-1179, do Sở giao thông vận tải TP Đà Nẵng cấp ngày 06-6-2018, tên chủ sở hữu: Công ty TNHH XD&TM P.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00105/2018, biển số đăng ký 43XA-1177, do Sở giao thông vận tải TP Đà Nẵng cấp ngày 06-6-2018, tên chủ sở hữu: Công ty TNHH XD&TM P.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00082/2018, biển số đăng ký 43XA-1169, do Sở giao thông vận tải TP Đà Nẵng cấp ngày 04-5-2018, tên chủ sở hữu: Công ty TNHH XD&TM P.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00075/2018, biển số đăng ký 43XA-1167, do Sở giao thông vận tải TP Đà Nẵng cấp ngày 26-4-2018, tên chủ sở hữu: Công ty TNHH XD&TM P.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 024520, biển số đăng ký 43C-125.33, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 28-6-2016, tên chủ xe: Công ty TNHH XD&TM P.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 024519, biển số đăng ký 43C-125.81, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 28-6-2016, tên chủ xe: Công ty TNHH XD&TM P.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 058827, biển số đăng ký 43C-191.22, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 27-7-2018, tên chủ xe: Công ty TNHH XD&TM P.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 059420, biển số đăng ký 43C-105.17, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 09-8-2018, tên chủ xe: Công ty TNHH XD&TM P.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00117/2017, biển số đăng ký 43XA-1045, do Sở giao thông vận tải TP Đà Nẵng cấp ngày 09-5-2017, tên chủ sở hữu: Công ty TNHH XD&TM P.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00031/2018, biển số đăng ký 43XA-1151, do Sở giao thông vận tải TP Đà Nẵng cấp ngày 09-02-2018, tên chủ sở hữu: Công ty TNHH XD&TM P.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00032/2018, biển số đăng ký 43XA-1152, do Sở giao thông vận tải TP Đà Nẵng cấp ngày 09-02-2018, tên chủ sở hữu: Công ty TNHH XD&TM P.

5. Trường hợp Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP

N thì các tài sản thế chấp được xử lý theo Điều 299, Điều 322 và Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015, gồm các tài sản sau:

5.1. Một ngôi nhà cấp 04, 02 tầng, tường xây, mái đúc, sàn đúc, nền gạch hoa có diện tích xây dựng 79m^2, diện tích sàn 164m^2, xây dựng trên thửa đất số 49 (E-4 cũ), tờ bản đồ số 34, diện tích 85m^2; nhà và thửa đất tại địa chỉ: KDC số 3 đường T, phường G, quận D, TP Đà Nẵng (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 155927, số vào sổ cấp GCN: CH00733 do UBND Quận D cấp ngày 17-9-2010, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đức Đăng K và bà Nguyễn Thị H ngày 04-01-2019, đã được chỉnh lý ngày 29-01-2019).

5.2. Xe tải tự đổ TRUONG GIANG, biển số đăng ký: 43C-107.64, số máy: 3E37E3F01826; số khung: 61D4FCC00892, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016640 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 04-12-2015, đứng tên chủ xe Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P.

5.3. Xe ô tô tải tự đổ SHACMAN, biển số đăng ký: 43C-151.14, số máy: 21615E033664; số khung: HR66FX018740, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 036389 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 11-4-2017, đứng tên chủ xe Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P.

5.4. Xe máy chuyên dùng - Máy đào, hiệu KOBELCO SK485LC, biển số đăng ký: 43XA-1093, số động cơ: P11CUP10345; số khung: YS07U0747, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00214/2017 do Sở Giao thông vận tải TP Đà Nẵng cấp ngày 11-8-2017, đứng tên chủ sở hữu Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P.

5.5. Xe ô tô tải Việt Trung, năm sx: 2009, biển số đăng ký: 43C-080.85, số máy: 1E1105900081; số khung: 81D49HB00082, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018407 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 18-01-2016, đứng tên chủ xe Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P.

5.6. Máy đào bánh xích điệu HITACHI ZX 450LC-3, biển số đăng ký: 43XA-1169, số động cơ: 6WG1-605584; số khung: FF01J30020329, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00082/2018 do Sở Giao thông vận tải TP Đà Nẵng cấp ngày 04-5-2018, đứng tên chủ sở hữu Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P.

5.7. Máy đào bánh xích hiệu HITACHI ZX 450LC-3, biển số đăng ký: 43XA-1179, số động cơ: 6WG1-605419; số khung: FF01J32020280, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00106/2018 do Sở Giao thông vận tải TP Đà Nẵng cấp ngày 06-6-2018, đứng tên chủ sở hữu Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P.

5.8. Máy đào bánh xích hiệu HITACHI ZX 600LC-3, biển số đăng ký: 43XA-1177, số động cơ: 6WG1-600352; số khung: K00004031, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00105/2018 do Sở Giao thông vận tải TP Đà Nẵng cấp ngày 06-6-2018, đứng tên chủ sở hữu Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P.

5.9. Máy đào bánh xích hiệu KOMATSU PC600-7, biển số đăng ký: 43XA-1167, số động cơ: 6D140-115311; số khung: 55K40076, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00075/2018 do Sở Giao thông vận tải TP Đà Nẵng cấp ngày 26-4-2018, đứng tên chủ sở hữu Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P.

5.10. Xe tải tự đổ CNHTC, biển số đăng ký: 43C-125.33, số máy: 1620207018407; số khung: XSA9GN126327, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 024320 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 28-6-2016, đứng tên chủ xe Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P.

5.11. Xe tải tự đổ CNHTC, biển số đăng ký: 43C-125.81, số máy: 1620207018357; số khung: XSA7GN126326, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 024519 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 28-6-2016, đứng tên chủ xe Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P.

5.12. Xe tải tự đổ HOWO, biển số đăng ký: 43C- 191.22, số máy: 160307027147; số khung: XSB7GN123774, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 058827 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 27-7-2018, đứng tên chủ xe Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P.

5.13. Xe tải tự đổ SHACMAN, biển số đăng ký: 43C-105.17, số máy: 21615E033624; số khung: HR66FX021301, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 059420 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 09-8-2018, đứng tên chủ xe Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P.

5.14. Xe máy chuyên dùng - Máy đào, hiệu HITACHI ZX350H-3F, biển số đăng ký: 43XA-1045, năm sản xuất: 2010, số động cơ: 6HK1-551823; số khung: 00058900, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00117/2017 do phòng sở Giao thông vận tải TP Đà Nẵng cấp ngày 09-5-2017, đứng tên chủ sở hữu Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P.

5.15. Máy đào bánh xích KOMATSU PC400LC-7, biển số đăng ký: 43XA-1151, năm sx: 2009, số động cơ: 6D125-560970; số khung: J54A87386, theo giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00031/2018 do Sở Giao thông vận tải TP Đà Nẵng cấp ngày 09-02-2018, đứng tên chủ sở hữu Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P.

5.16. Máy đào bánh xích KOMATSU PC400LC-7, biển số đăng ký: 43XA-1152, năm sx: 2009. số động cơ: 6D125-316171; số khung: A54A86545, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00032/2018 do Sở Giao thông vận tải TP Đà Nẵng cấp ngày 09-02-2018, đứng tên chủ sở hữu Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P.

5.17. Xe ô tô tải SHACMAN, biển số đăng ký: 43C- 197.13, năm sx: 2015, số máy: 21615C024162; số khung: HR62FX009288, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 062631 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 17-10-2018, đứng tên chủ xe Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P.

5.18. Xe ô tô con Audi Q7 đời 2011, biển số đăng ký: 43A- 442.44, số máy: CJT051014; số khung: Z4L3CD019061, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số

071751 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 04-4-2019, đứng tên chủ xe ông Nguyễn Đức Đăng K.

5.19. Máy đào bánh xích KOBELCO SK330-8, đời 2016, biển số đăng ký: 43XA-1264, số động cơ: J08EUN12753; số khung: LC11T0662, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00106/2019 do Sở Giao thông vận tải TP Đà Nẵng cấp ngày 04-10-2019, đứng tên chủ sở hữu Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P.

5.20. Xe tải pickup cabin kép MAZDA BT-50, biển số đăng ký: 43C-061.35, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020167 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 17-3-2014, đứng tên chủ xe Nguyễn Đức Đăng K.

6. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

6.1. Công ty P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 133.862.946đ (Một trăm ba mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm bốn mươi sáu đồng).

6.2. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội: 64.898.697đ (Sáu mươi bốn triệu, tám trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm chín mươi bảy đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001409 ngày 15-10-2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

7. Lệ phí và chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ Ngân hàng TMCP Ncó đơn đề nghị xem xét thẩm định tại chỗ nên tự nguyện chịu (đã nộp và đã chi).

II. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại P phải chịu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001533 ngày 19-10-2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND Q.Cẩm Lệ, TPĐN;
- Chi cục THADS Q.Cẩm Lệ, TPĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Thanh Mai